ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 và Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ

(Kèm theo Công văn số /SNV-XDCQ của Sở Nội vụ)

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ ĐỊNH

1. Khát quát đặc điểm, tình hình của địa phương

a) Diện tích, dân số của huyện, thành phố, thị xã;

b) Số đơn vị hành chính cấp xã: ,trong đó:

- Cấp xã loại I;
- Cấp xã loại II, III;

c) Tổng số thôn, tổ dân phố , trong đó:

- Thôn, tổ dân phố loại 1;
- Thôn tổ dân phố loại 2, 3.

2. Đối với Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã

- Về chức vụ, chức danh, số lượng cán bộ, công chức cấp xã.
- Về chất lượng cán bộ, công chức cấp xã:

+ Đối với cán bộ cấp xã (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ).

+ Đối với công chức cấp xã (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ).

- Về chế độ, chính sách áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã:

+ Về xếp lương;

+ Về nâng bậc lương;

+ Về các chế độ phụ cấp;

+ Về chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Về công tác quy hoạch, tạo nguồn và đào tạo, bồi dưỡng.
- Về tuyển dụng công chức cấp xã (thi tuyển, xét tuyển);
- Về điều động, tiếp nhận công chức cấp xã;
- Về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu;
- Về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố

- Về số lượng, chất lượng đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách.
- Về chế độ, chính sách áp dụng đối với người oạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn:

+ Về chế độ phụ cấp;

+ Về đào tạo, bồi dưỡng;

+ về chế độ bảo hiểm xã hội;

+ về chế độ bảo hiểm y tế.

2. Đối với Nghị định số 29/2013/NĐ-CP

a) Về chế độ lương áp dụng đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã.

b) Về thực hiện khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

3. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP

a) Những kết quả đạt được

- Về đội ngũ cán bộ, oông chức ở cấp xã;
- Về những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- Về những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố.

b) Những hạn chế, bất cập

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã;
- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố.

c) Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.
2. Các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.
3. Các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2013/NĐ-CP.

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2017

Mẫu: 01

TT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó			Trình độ đào tạo																							Cán bộ, công chức luân chuyển từ cấp huyện	
						Chuyên môn nghiệp vụ						Học vấn phổ thông			Chính trị				Tin học			Ngoại ngữ					Quản lý nhà nước				
																						Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác			Qua đào tạo				
			Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Dân tộc thiểu số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào	Trung học phổ thông	Trung học cơ sở	Tiểu học	Cao cấp lý luận	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Chứng chỉ (A, B,C)	Đại học trở lên	Chứng chỉ (A, B, C)	Chứng chỉ tiếng dân tộc	CVC và TĐ	CV và TĐ	Chưa qua đào tạo	Cán bộ	Công chức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)
TS																															

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

.., ngày ... tháng … năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu: 02

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ NĂM 2017

TT	Đơn vị (theo xã)	Tổng số	Trong đó			Trình độ đào tạo															Hệ số phụ cấp hàng tháng (tính theo mức lương cơ sở)			
			Người HĐKCT cấp xã (quy định tại các Nghị định và Quyết định của CP, TTg CP)	Người HĐKCT ở cấp xã (được quy định tại các quy định khác)	Dân tộc thiểu số	Chuyên môn nghiệp vụ					Học vấn phổ thông			Chính trị				Tin học			Người HĐKCT cấp xã (quy định tại các Nghị định và Quyết định của CP, TTg CP)		Người HĐKCT ở cấp xã (được quy định tại các quy định khác)	
						Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Trung học phổ thông trở lên	Trung học cơ sở	Tiểu học	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	chưa qua đào tạo	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
TS																								

Ghi chú:

(4) Người HĐKCT ở cấp xã quy định tại: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 và Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

(5) Người HĐKCT ở cấp xã được hưởng phụ cấp (hoặc sinh hoạt phí) không thuộc các đối tượng nêu tại Mục (4).

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

.., ngày ... tháng … năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu: 03

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ NĂM 2017

TT	Đơn vị (theo thôn, tổ dân phố))	Tổng số	Trong đó			Trình độ đào tạo															Hệ số phụ cấp hàng tháng (tính theo mức lương cơ sở)			
			Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố (quy định tại các Nghị định và Quyết định của CP, TTg CP)	Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố (được quy định tại các quy định khác)	Dân tộc thiểu số	Chuyên môn nghiệp vụ					Học vấn phổ thông			Chính trị				Tin học			Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố (quy định tại các Nghị định và Quyết định của CP, TTg CP)		Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố (được quy định tại các quy định khác)	
						Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Trung học phổ thông trở lên	Trung học cơ sở	Tiểu học	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	chưa qua đào tạo	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
TS																								

Ghi chú:

(4) Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố quy định tại: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 và Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

(5) Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp (hoặc sinh hoạt phí) không thuộc các đối tượng nêu tại Mục (4).

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

.., ngày ... tháng … năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)